

NGHỊ ĐỊNH

CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 34/2000/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 8 NĂM 2000 VỀ QUY CHẾ KHU VỰC BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

Nghị định này quy định khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quy định các hoạt động của người, phương tiện ở khu vực biên giới bao gồm: cư trú, đi lại, sản xuất, kinh doanh, đầu tư, thăm dò, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác; quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền, các lực lượng, các ngành trong quản lý, bảo vệ biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2.

1. Khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là khu vực biên giới) bao gồm các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính tiếp giáp với đồng biên giới quốc gia trên đất liền.

Mọi hoạt động trong khu vực biên giới phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết.

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác với Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật về biên giới quốc gia thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

2. Trong khu vực biên giới có vành đai biên giới, ở những nơi có yêu cầu cần thiết bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và kinh tế thì xác lập vùng cấm.

a) Vành đai biên giới là phần lãnh thổ nằm tiếp giáp với đồng biên giới quốc gia có chiều sâu tính từ đồng biên giới trở vào nơi hẹp nhất là 100 m, nơi rộng nhất không quá 1.000 m, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Vùng cấm là phần lãnh thổ nằm trong khu vực biên giới được áp dụng một số biện pháp hành chính để hạn chế việc cư trú, đi lại, hoạt động của công dân.

c) Khu vực biên giới, vành đai biên giới, vùng cấm phải có biển báo; biển báo theo mẫu thống nhất và cấm ở nơi cần thiết, dễ nhận biết.

3. Phạm vi cụ thể của vành đai biên giới, vùng cấm do ủy ban nhân dân tỉnh biên giới xác định sau khi đã thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các ngành hữu quan và báo cáo Chính phủ.

Điều 3.

Bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới là trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, chính quyền địa phương và mọi công dân.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH VỀ C TRÚ, ĐI LẠI, HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC BIÊN GIỚI

Điều 4.

1. Những người được c trú ở khu vực biên giới:

- a) Công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới.
- b) Người có giấy phép của cơ quan Công an tỉnh biên giới cho c trú ở khu vực biên giới.
- c) Người thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang có trụ sở làm việc thông xuyên ở khu vực biên giới.

2. Những người không được c trú ở khu vực biên giới:

- a) Người không thuộc diện quy định tại khoản 1 của Điều này.
- b) Người đang thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền cấm c trú ở khu vực biên giới.
- c) Người nước ngoài (trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác).

Điều 5.

Công dân có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới được cấp giấy chứng minh nhân dân biên giới theo quy định của pháp luật.

Điều 6.

1. Công dân Việt Nam khi vào khu vực biên giới phải có giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ do công an xã, phường thị trấn nơi c trú cấp.

2. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức của cơ quan, tổ chức khi vào khu vực biên giới về việc riêng phải có giấy chứng minh nhân dân hoặc chứng minh của quân đội, công an.

Trờng hợp vào khu vực biên giới công tác phải có giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

3. Những người sau đây không được vào khu vực biên giới:

- a) Người không có giấy tờ theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.
- b) Người đang bị khởi tố hình sự, người đang bị Toà án tuyên phạt quản chế ở địa phương (trừ những người đang có hộ khẩu thường trú ở khu vực biên giới).

Điều 7.

1. Người nớc ngoài đang công tác tại các cơ quan Trung ơng vào khu vực biên giới phải có giấy phép do Bộ Công an cấp; nếu người nớc ngoài đang tạm trú tại địa phương vào khu vực biên giới phải có giấy phép do công an cấp tỉnh nơi tạm trú cấp.

Các cơ quan, tổ chức của Việt Nam khi đa người nớc ngoài vào khu vực biên giới phải có đủ giấy tờ theo quy định của Nghị định này và cử cán bộ đi cùng để hướng dẫn và thông báo cho công an, Bộ đội biên phòng tỉnh nơi đến.

Người nớc ngoài khi vào vành đai biên giới phải có giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này và phải trực tiếp trình báo cho Đồn biên phòng hoặc chính quyền sở tại để thông báo cho Đồn biên phòng.

2. Trường hợp người nớc ngoài đi trong tổ chức của Đoàn cấp cao vào khu vực biên giới thì cơ quan, tổ chức của Việt Nam (cơ quan mời và làm việc với Đoàn) cử cán bộ đi cùng Đoàn để hướng dẫn và có trách nhiệm thông báo cho cơ quan công an và Bộ đội biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết.

3. Việc đi lại, hoạt động, tạm trú trong khu vực biên giới Việt Nam của những người trong khu vực biên giới nớc tiếp giáp thực hiện theo Hiệp định về Quy chế biên giới giữa hai nớc.

Điều 8.

1. Vành đai biên giới đợc thiết lập để quản lý, kiểm soát các hoạt động của người, phương tiện; duy trì trật tự, an ninh và phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật.

Việc c trú, đi lại, hoạt động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác của nhân dân trong vành đai biên giới phải có quy hoạch, quản lý chặt chẽ nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động vi phạm chủ quyền, an ninh biên giới và an toàn của các nớc láng giềng.

2. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này mới đợc c trú, đi lại, hoạt động trong vành đai biên giới; những người khác khi vào vành đai biên giới phải có giấy tờ theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này và trực tiếp trình báo Đồn biên phòng hoặc Ủy ban nhân dân sở tại để thông báo cho Đồn biên phòng.

3. Người đến trình báo với Đồn biên phòng hoặc Ủy ban nhân dân sở tại phải nói rõ mục đích, nội dung, thời gian, danh sách người, phương tiện, phạm vi hoạt động ở vành đai biên giới.

Điều 9.

1. Vùng cấm đợc quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật hiện hành và nội quy của từng vùng cấm đó.

2. Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong khu vực biên giới có liên quan đến vùng cấm phải thống nhất với các ngành chủ quản quản lý vùng cấm đó.

Những trường hợp phải di dời dân ra khỏi vùng cấm thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 10.

Hoạt động của người, phương tiện Việt Nam và nớc ngoài ở khu du lịch, dịch vụ, thương mại, khu kinh tế cửa khẩu và các khu kinh tế khác đợc mở ra có liên quan đến khu vực biên giới thực hiện theo Quy chế của Chính phủ đối với khu vực đó. Nếu vào vành đai biên giới phải tuân theo quy định của Nghị định này.

Điều 11.

1. Ngồi, phong tiện của Việt Nam và nóc ngoài đủ điều kiện vào khu vực biên giới, vành đai biên giới nếu ở qua đêm phải đến cơ quan công an cấp xã, phòng, thị trấn hoặc đồn công an sở tại đăng ký quản lý tạm trú theo quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ khẩu.

2. Ngồi, phong tiện của Việt Nam và nóc ngoài khi hoạt động trong khu vực biên giới phải tuân theo quy định của Nghị định này và điều ước quốc tế về biên giới mà nóc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết.

3. Các phong tiện vào khu vực biên giới thì chủ phong tiện phải đăng ký tại trạm kiểm soát biên phòng về số lượng ngồi đi trên phong tiện, thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động; khi phong tiện không hoạt động phải neo, đỗ tại bến, bãi quy định và phải chấp hành nội quy của bến, bãi.

4. Trong thời gian ở khu vực biên giới mọi hoạt động của ngồi, phong tiện phải chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát của Bộ đội biên phòng, công an, chính quyền địa phương (trừ đơn vị quân đội, công an vào khu vực biên giới làm nhiệm vụ theo lệnh do cấp có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an).

Điều 12. Ngồi, phong tiện của Việt Nam và nóc ngoài xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà nóc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết và pháp luật hiện hành của nóc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 13. Trong khu vực biên giới, các cơ quan chức năng phối hợp với Bộ đội biên phòng để tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh về:

1. Bố trí quy hoạch dân c, điểm họp chợ biên giới, bến, bãi neo, đậu của các loại phong tiện trên đất liền, sông suối biên giới.

2. Khu du lịch, khu kinh tế, khu vực sản xuất, khai thác và bảo vệ lâm sản, khoáng sản, đánh bắt hải sản và các hoạt động khác có liên quan đến đòng biên giới quốc gia.

3. Xây dựng các công trình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác có liên quan đến đòng biên giới quốc gia.

Điều 14. Khi xây dựng các dự án giao thông, thủy lợi, thủy điện, xí nghiệp, nông, lâm tr-ờng, trang trại, khu kinh tế liên doanh liên kết với nóc ngoài và các dự án xây dựng khác trong khu vực biên giới, cơ quan chủ quản phải thống nhất với chính quyền địa phương và lấy ý kiến tham gia của các ngành liên quan, Bộ đội biên phòng trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan chủ quản khi thực hiện dự án phải tuân theo Hiệp định về Quy chế biên giới và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Việc quay phim, chụp ảnh, ghi hình, vẽ cảnh vật trong khu vực biên giới không đợc tiến hành ở những nơi có biển cấm các hoạt động nói trên.

CHÔNG III QUẢN LÝ, BẢO VỆ KHU VỰC BIÊN GIỚI

Điều 16.

1. Chính phủ thống nhất chỉ đạo các hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và duy trì an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

2. Các Bộ và cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện những vấn đề thuộc chức năng liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng thuộc quyền mà nòng cốt là Bộ đội biên phòng chủ trì phối hợp với các lực lượng tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định này.

4. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các lực lượng, các ban, ngành ở địa phương phối hợp trong hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới, duy trì an ninh, trật tự ở khu vực biên giới thuộc địa phương quản lý.

b) Tổ chức huy động các lực lượng, quần chúng nhân dân tham gia chống các hoạt động xâm phạm chủ quyền quốc gia, chống buôn lậu, vượt biên giới trái phép, xâm canh, xâm c.

c) Quản lý dân cư trên địa bàn biên giới và các hoạt động khác theo thẩm quyền.

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở khu vực biên giới.

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức pháp luật về biên giới, lãnh thổ và trách nhiệm của quần chúng nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Điều 17. Mọi công dân có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia trên đất liền theo quy định của pháp luật. Khi phát hiện các hành vi xâm phạm biên giới quốc gia hoặc có nguy cơ làm ảnh hưởng đến đồng biên giới phải báo ngay cho Đoàn biên phòng hoặc ủy ban nhân dân sở tại, cơ quan nhà nước nơi gần nhất để thông báo cho Đoàn biên phòng kịp thời xử lý.

Điều 18. Bộ đội biên phòng tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, bố trí lực lượng, phong tiện để quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, duy trì an ninh, trật tự ở khu vực biên giới. Ở những nơi cần thiết tổ chức các trạm kiểm soát cố định để kiểm tra việc ra, vào vành đai biên giới; khi cần thiết Bộ đội biên phòng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được tổ chức các đội tuần tra, kiểm soát lu động để kiểm soát việc ra vào khu vực biên giới.

Điều 19.

1. Các đơn vị vũ trang, cơ quan chuyên ngành ở khu vực biên giới khi thực hiện nhiệm vụ phải chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định tại Nghị định này; có trách nhiệm phối hợp với Bộ đội biên phòng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Bộ đội biên phòng chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị để duy trì thực hiện Nghị định này và làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng và chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, duy trì an ninh, trật tự ở khu vực biên giới.

Điều 20. Trên các trục đường giao thông (đường bộ, đường sắt, đường sông) từ nội địa ra, vào khu vực biên giới, ủy ban nhân dân tỉnh biên giới căn cứ vào tình hình cụ thể báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập các trạm kiểm soát liên hợp cố định hoặc lu động gồm các lực lượng Bộ đội biên phòng, công an, hải quan, quản lý thị trường, thuế vụ để kiểm tra, kiểm soát đối với người, phong tiện và hàng hóa ra vào khu vực biên giới.

Điều 21. Nghiêm cấm các hoạt động sau đây ở khu vực biên giới:

1. Làm hỏng, xê dịch cột mốc biên giới, dấu hiệu đồng biên giới, biển báo khu vực biên giới, vành đai biên giới, vùng cấm.

2. Làm thay đổi dòng chảy sông, suối biên giới.
3. Xâm canh, xâm c qua biên giới.
4. Bắn súng qua biên giới, gây nổ, đốt nong rẫy trong vành đai biên giới.
5. Vượt biên giới quốc gia trái phép, chứa chấp, chỉ đòng, chuyên chở, che dấu bọn buôn lậu v-
ợt biên giới trái phép.
6. Khai thác trái phép lâm thổ sản và các tài nguyên khác.
7. Buôn lậu, vận chuyển trái phép vũ khí, chất cháy, chất nổ, chất độc hại, ma túy, văn hóa
phẩm độc hại và hàng hóa cấm nhập khẩu, xuất khẩu qua biên giới.
8. Săn bắn thú rừng quý hiếm, đánh bắt cá bằng vật liệu nổ, kích điện, chất độc và các hoạt
động gây hại khác trên sông, suối biên giới.
9. Thải bỏ các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường hệ sinh thái.
10. Có hành vi khác làm mất trật tự, trị an ở khu vực biên giới.

CHƯƠNG IV KHEN THỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Tập thể và cá nhân có thành tích trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia được khen thưởng; nếu vì nghĩa vụ tham gia quản lý, bảo vệ biên giới mà thiệt hại đến tài sản hoặc bị thương tật hay hy sinh thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Điều 23.

1. Cơ quan, tổ chức vi phạm Nghị định này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Người nào vi phạm Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế các văn bản sau:

- Nghị định số 427/HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế khu vực biên giới Việt Nam - Lào;
- Nghị định số 42/HĐBT ngày 29 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng về Quy chế khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia;
- Nghị định số 99/HĐBT ngày 27 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quy chế khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc;
- Nghị định số 289/HĐBT ngày 10 tháng 8 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng sửa đổi một số điều trong Quy chế khu vực biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc;

2. Các quy định khác trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 25. Hàng năm Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Tài chính lập dự toán ngân sách để thực hiện công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trình Chính phủ quyết định.

Điều 26. Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 27. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.